

Số: 3355/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 27 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Chương trình khuyến công
địa phương tỉnh Hưng Yên đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1318/TTr-SCT ngày 18/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 (Chương trình kèm theo).

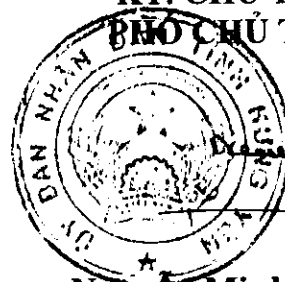
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV: KT2^{BT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐIỀU CHỨC**



Nguyễn Minh Quang

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công địa phương tỉnh Hưng Yên đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020. UBND tỉnh ban hành Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Huy động các nguồn lực trong và ngoài tỉnh tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của tỉnh tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

b) Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Ưu tiên hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp nông thôn về đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức khởi sự doanh nghiệp, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp, đào tạo lao động, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến và chuyển giao công nghệ, thông tin về thị trường, nhu cầu về sản phẩm, tuyên truyền và xây dựng, quảng bá thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hỗ trợ tổ chức đào tạo nghề cho khoảng 420 lao động (tương đương 12 lớp) cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT); tập huấn bồi dưỡng kiến thức khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn cho khoảng 300 học viên (tương đương 03 lớp); hỗ trợ thành lập khoảng 30

doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp nông thôn; hỗ trợ 01 cơ sở CNNT xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; hỗ trợ 21 cơ sở CNNT ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến và chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất (ưu tiên các cơ sở CNNT hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông lâm, thủy sản, sản xuất hàng phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu), hỗ trợ 05 cơ sở CNNT đánh giá sản xuất sạch hơn (SXSH); hỗ trợ xây dựng, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho 06 cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho tối thiểu 02 cụm công nghiệp (CCN); hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho tối thiểu 02 CCN...*(chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*.

b) Hỗ trợ xây dựng 01 hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp; Hỗ trợ xây dựng 02 hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn, lồng ghép với Đề án bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

c) Thông tin tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương, xuất bản và phát hành bản tin khuyến công, đĩa CD, catalog, tờ gấp... nhằm giới thiệu, quảng bá, mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp mà địa phương có thể mạnh; nâng cao nhận thức, kiến thức và lợi ích về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

d) Hoàn thiện các văn bản quy định về quản lý kinh phí và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công các cấp.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công thuộc các ngành, nghề quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh về ban hành Quy định quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN) trên địa bàn tỉnh bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (*gọi tắt là cơ sở công nghiệp nông thôn*).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại; các đơn vị dịch vụ tư vấn đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động liên quan đến đầu tư sản xuất CN - TTCN, ngành nghề trong nông thôn, ngành nghề truyền thống.

d) Cơ quan quản lý nhà nước ngành công thương cấp tỉnh, huyện, thành phố.

III. NỘI DUNG

1. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn

Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn cho lao động mới và đào tạo nâng cao tay nghề, chủ yếu là tại chỗ theo hình thức dạy nghề thường xuyên nhằm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp để thực hiện một hoặc một số bước công việc hay một số mẫu sản phẩm nhất định theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp gắn lý thuyết với thực hành.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

a) Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức theo các chuyên đề: Khởi sự doanh nghiệp, quản lý kinh doanh tổng hợp, quản trị nhân sự, tài chính - kế toán, marketing, quản lý khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, hội nhập kinh tế quốc tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động,...phù hợp với nhu cầu thực tế.

b) Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tập huấn về sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức về việc áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Qua đó, giúp các cơ sở biết về lợi ích của sản xuất sạch hơn để áp dụng vào cơ sở mình cho phù hợp.

c) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước.

d) Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ lập kế hoạch sản xuất kinh doanh giúp doanh nghiệp sớm đi vào sản xuất sản phẩm.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật đầu tư sản xuất sản phẩm mới hoặc công nghệ mới (tính mới so với cấp huyện/thành phố); hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến tuyên truyền, nhân rộng.

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

c) Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường.

4. Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

b) Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước; hỗ trợ xây dựng, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu của tỉnh và thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

5. Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất-tài chính-kế toán; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói,...

Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất-tài chính-kế toán; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

Ưu tiên hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn khởi nghiệp.

6. Công tác thông tin tuyên truyền

a) Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác nhằm cung cấp thông tin về hoạt động khuyến công, về chính sách phát triển công nghiệp, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, về hoạt động của các cơ sở công nghiệp nông thôn.

b) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tiếp cận và khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường và quảng bá doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường

a) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch.

b) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

c) Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các cụm công nghiệp.

d) Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

8. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

a) Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn.

b) Kiện toàn bộ máy, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công.

c) Tổ chức hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công.

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công địa phương đến năm 2020 bao gồm kinh phí sự nghiệp kinh tế cho hoạt động khuyến công từ nguồn ngân sách của tỉnh được phân bổ hàng năm; nguồn đối ứng từ các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Tổng kinh phí thực hiện chương trình khuyến công địa phương tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 dự kiến là **8.374 triệu đồng**. *(chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*. Trong đó:

- Kinh phí sử dụng năm 2018: 1.514 triệu đồng.

- Kinh phí sử dụng năm 2019: 3.214 triệu đồng.

- Kinh phí sử dụng năm 2020: 3.696 triệu đồng.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về công tác quản lý nhà nước

a) Các cấp ủy Đảng, chính quyền cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động khuyến công, coi khuyến công là một trong các giải pháp trọng tâm để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Thường xuyên rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản về hoạt động khuyến công theo hướng hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, hỗ trợ các ngành nghề, sản phẩm tiêu biểu, chủ lực phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và điều kiện thực tế của tỉnh; chủ động đề xuất điều chỉnh khi xây dựng Kế hoạch khuyến công hàng năm phù hợp với thực tế để nâng cao hiệu quả của Chương trình, trong đó tập trung vào các nội dung mới có sức lan tỏa và tác động lớn đến phát triển CNNT.

c) Nâng cao chất lượng trong công tác khảo sát, thẩm định các cơ sở CNNT được thụ hưởng từ chương trình khuyến công; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện Đề án khuyến công đảm bảo nguồn kinh phí khuyến công được sử dụng đúng đối tượng, mục đích và quy định của pháp luật và của tỉnh.

d) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giới thiệu các chủ trương, chính sách của Nhà nước, tỉnh trong lĩnh vực khuyến công; tích cực kêu gọi, vận động các cơ sở sản xuất CNNT, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh ủng hộ, hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công.

đ) Tăng cường công tác trao đổi thông tin, đối thoại về những vấn đề doanh nghiệp quan tâm, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho các cơ sở CNNT để định hướng sản xuất, kinh doanh; tăng cường các hoạt động nghiên cứu, dự báo và phổ biến kịp thời, công khai các thông tin kinh tế đến các cơ sở CNNT.

2. Về tăng cường khả năng thực hiện công tác khuyến công

a) Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác khuyến công theo hướng chuyên nghiệp; củng cố và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đối với Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố và đơn vị có liên quan, đảm bảo tổ chức triển khai có hiệu quả chương trình khuyến công.

b) Tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy hoạt động khuyến công. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách, cơ chế hỗ trợ của hoạt động khuyến công tới các cơ sở sản xuất và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp về huy động các nguồn tài chính cho hoạt động khuyến công

a) Chủ động, tranh thủ hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hàng năm.

b) Bảo đảm cân đối bố trí kinh phí khuyến công tỉnh hàng năm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện chương trình một cách hiệu quả nhất.

c) Vận động các cơ sở công nghiệp nông thôn, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động khuyến công, tích cực đóng góp kinh phí cho hoạt động khuyến công.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện chương trình này. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn UBND các huyện, thành phố,

các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện Chương trình này. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh nhằm tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển CNNT.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí khuyến công địa phương hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

c) Thường xuyên rà soát, nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách phù hợp, kiến nghị những biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

d) Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt đề án nâng cao năng lực Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất và phương tiện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

e) Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại (thuộc Sở Công Thương) là đầu mối triển khai hoạt động khuyến công theo chương trình, kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Sử dụng có hiệu quả kinh phí khuyến công và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thanh quyết toán theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tổng hợp các Đề án hỗ trợ hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn lồng ghép với Đề án bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

3. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện công tác khuyến công do Sở Công Thương lập, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Hàng năm, căn cứ vào nguồn kinh phí khuyến công địa phương được giao, Sở Tài chính thẩm định kế hoạch kinh phí khuyến công từng đợt do Sở Công Thương lập trên cơ sở chương trình khuyến công; đồng thời phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đảm bảo có hiệu quả.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính bố trí kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao năng lực hoạt động khuyến công cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp và thực hiện lồng ghép giữa Chương trình khuyến công với các chương trình, chính sách khác để phát huy hiệu quả của Chương trình.

5. Các sở ngành, tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội

Các sở, ban, ngành và tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình phối hợp với Sở Công Thương để thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công; thực hiện lồng ghép các dự án thuộc các chương trình mục tiêu của do ngành, đơn vị mình quản lý với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện chương trình khuyến công trên địa bàn, phối hợp với Sở Công Thương và các ngành liên quan xây dựng kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm, giải quyết kịp thời khó khăn tháo gỡ vướng mắc tạo điều kiện để công nghiệp nông thôn phát triển.

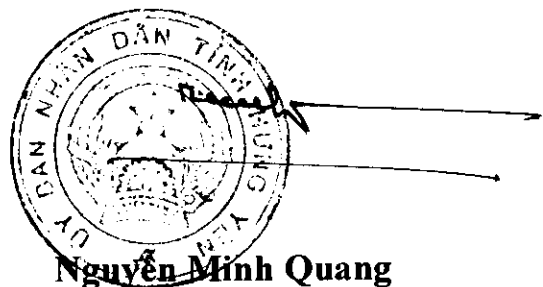
b) Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm của tỉnh; kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện, sử dụng kinh phí khuyến công của các đề án thuộc địa bàn quản lý.

7. Chế độ thông tin, báo cáo định kỳ

Định kỳ vào ngày 20 tháng 12 hàng năm, các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Công Thương). Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện hàng năm; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Công Thương) xem xét, giải quyết theo quy định. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Quang

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh

TT	Nội dung	ĐVT	Dự kiến kết quả đạt được							
			Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng cộng	
			Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)
I	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn	Người		126		126	252		504	504
1	Đào tạo nghề, truyền nghề tại chỗ gắn với cơ sở CNNT	Người	105	126	105	126	210	252	420	504
II	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, các hoạt động tư vấn, tập huấn đào tạo, hội thảo, hội nghị....			100		100	100		300	300
1	Tổ chức HN, hội thảo, diễn đàn, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức khởi sự DN, nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (100 người/lớp)	Lớp	1	50	1	50	1	50	3	150
2	Hỗ trợ thành lập DN CNNT	DN	10	50	10	50	10	50	30	150
III	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyên gia công nghệ, ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn			1,100		1,150		1,500		3,750
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, SP mới; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn	Cơ sở					1	350	1	350
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyên gia công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các khâu sản xuất CN-TTCN	Cơ sở	7	1,050	7	1,050	7	1,050	21	3,150
3	Hỗ trợ đánh giá SXSH cho các cơ sở sản xuất công nghiệp	Cơ sở	1	50	2	100	2	100	5	250

IV	Xây dựng thương hiệu sản phẩm, tổ chức và tham gia hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn trong và ngoài nước				100			180			100		380
1	Tổ chức bình chọn SPCCNTTB cấp tỉnh	lần				1		80			1		80
2	Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm trong nước	Cơ sở	4		40	4		40		4	12		120
3	Xây dựng, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm	Nhãn hiệu	2		60	2		60		2	6		180
V	Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất-tài chính-kế toán; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói,...				30			60					150
	Hỗ trợ các cơ sở CNNT thuê tư vấn, thiết kế mẫu mã, đóng gói bao bì sản phẩm	Cơ sở	1		30	2		60		2	5		150
VI	Công tác thông tin tuyên truyền				30			30					90
1	Công tác thông tin tuyên truyền về phát triển ngành công thương, khuyến công HY trên báo, đài PTTH và các hình thức thông tin đại chúng khác	Tin, bài, phóng sự			30			30					90
VII	Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường							1,520					3,040
1	Hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp thông qua tổ chức HN, hội thảo, diễn đàn.	Lần				1		20		1	2		40
2	Hỗ trợ các cơ sở CNNT gây ô nhiễm di dời vào các CCN	Cơ sở				1		200		1	2		400
3	Hỗ trợ lập QH chi tiết CCN	Cụm				1		300		1	2		600
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN	Cụm				1		1,000		1	2		2,000
VIII	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công				28			48					160
1	Tổ chức HN đánh giá tổng kết hoạt động KC	Hội nghị								1	1		30
2	Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình đề án và nhiệm vụ hoạt động KC				28			48					130
	Tổng cộng				1,514			3,214					8,374